

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga, ông Nguyễn Quang Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 204/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ**.

2. Bị đơn: Anh **Hà Văn B**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Số nhà A, ngõ C, đường D, tổ A, phường T, tỉnh Phú Thọ**.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa của nguyên đơn – chị **Nguyễn Thị G** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị G** và anh **Hà Văn B** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND phường T – TP H** (nay là **UBND phường T**, tỉnh Phú Thọ), đăng ký kết hôn năm 2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến khoảng năm 2022 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **G** và anh **B** đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Nay tình cảm không còn, chị **G** đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh **B**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 30/11/2021. Khi ly hôn, chị G đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con Hà Nguyễn Linh Đ, từ khi con được 6 tháng tuổi cho đến nay con là do chị trực tiếp trông nom, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, quan điểm của chị G là không yêu cầu anh B phải trợ cấp nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Giang N chịu toàn bộ án phí ly hôn.

*** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa phía bị đơn – anh Hà Văn B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị G tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường T (cũ), nay là phường T, tỉnh Phú Thọ. Đăng ký kết hôn vào năm 2021, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn, đến năm 2022, hai vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Khoảng tháng 5/2022, chị G về gia đình mẹ đẻ sinh sống đến nay do đó hai vợ chồng không chung sống. Sau khi chị G về nhà mẹ đẻ ở, anh B có nhiều lần vào gia đình bên chị G để hàn gắn mối quan hệ. Đến nay chị Nguyễn Thị G đề nghị giải quyết ly hôn với anh B, quan điểm của anh B là đồng ý ly hôn với chị G.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 30/11/2021. Khi ly hôn, chị G đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con Hà Nguyễn Linh Đ, quan điểm anh là không đồng ý với ý kiến của chị G, anh đề nghị Tòa án giao con chung Hà Nguyễn Linh Đ cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị G ly hôn với anh B. Về con chung: có 01 con chung là Hà Nguyễn Linh Đ sinh ngày 30/11/2021. Khi ly hôn, đề nghị giao con chung Hà Nguyễn Linh Đ cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị G không yêu cầu anh B phải trợ cấp nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều xác nhận

không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh **Hà Văn B** có đăng ký thường trú và nơi ở tại **tổ A phường T, tỉnh Phú Thọ**. **Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị G** và anh **Hà Văn B** là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xác định là hôn nhân hợp pháp, được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về quan điểm, không có tiếng nói chung giữa hai bên, chung sống không hạnh phúc. Phía bị đơn - anh **B** cũng xác nhận hiện nay, anh và chị **G** không ai quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh **B** cũng đồng ý ly hôn với chị **G**. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **G** và anh **B** đã ly thân kéo dài, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị **G** là có căn cứ, phù hợp với thực tế mâu thuẫn vợ chồng, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Chị **Nguyễn Thị G** và anh **Hà Văn B** cùng xác nhận có 01 con chung là **Hà Nguyễn Linh Đ**, sinh ngày 30/11/2021. Phía nguyên đơn - chị **G** đề nghị khi ly hôn giao con chung **Hà Nguyễn Linh Đ** cho chị **G** trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng nuôi con chung; Bị đơn - anh **B** có quan điểm không đồng ý giao con chung cho chị **G** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** đề nghị được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị **G** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét ý kiến, đề nghị của các bên đương sự về việc nuôi con chung nhận thấy: Quá trình từ khi con Hà Nguyễn Linh Đ được 6 tháng tuổi cho đến nay con được gần 5 tuổi đều do nguyên đơn - chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Hiện nay con đang sinh sống ổn định cùng chị G và bố mẹ đẻ chị G tại xã T, tỉnh Phú Thọ; Bản thân chị G hiện có công việc, thu nhập đảm bảo về kinh tế để chăm lo cho con; Bên cạnh đó, chị G có nơi ở ổn định và có người thân là bố mẹ đẻ trực tiếp sinh sống cùng để phụ giúp, chăm sóc cho cháu Đ; Trong quá trình chị G trực tiếp chăm sóc con Hà Nguyễn Linh Đ đảm bảo về sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, được tham gia học tập tại cơ sở giáo dục phù hợp với độ tuổi; Bị đơn – anh Hà Văn B xác nhận khoảng từ năm 2024 cho đến thời điểm xét xử, anh Hà Văn B không đến thăm nom con chung. Mặt khác, con Hà Nguyễn Linh Đ giới tính nữ, giao cho mẹ ruột chăm sóc sẽ đảm bảo sự phát triển về tâm, sinh lý thuận lợi, phù hợp với con.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, xét thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của nguyên đơn – giao con Hà Nguyễn Linh Đ cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung chưa thành niên. Không có căn cứ chấp nhận quan điểm của bị đơn – anh B về việc đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị G và anh B cùng có quan điểm vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 147; Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị **Nguyễn Thị G**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị G** được ly hôn với anh **Hà Văn B**.

- Về nuôi con chung: Chị **Nguyễn Thị G** và anh **Hà Văn B** có 01 con chung tên **Hà Nguyễn Linh Đ**, sinh ngày 30/11/2021. Khi ly hôn, giao con chung Hà **Nguyễn Linh Đ** cho chị **Nguyễn Thị G** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **B** chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Hà Văn B** có quyền thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị G** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số **0004469** ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Anh

